

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**
Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày 26-8-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Khải

2/ Ông Hồ Quang Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Y Kr và bà H Bh – Đều có mặt.

Địa chỉ: Bon Yok J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Văn N – có mặt.

Địa chỉ: Thôn Nam P, xã Nam Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Y V và bà Lang Thị H – Đều có mặt.

Địa chỉ: Bon R` Cáp, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Y S – vắng mặt

Địa chỉ: Bon R` Cáp, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Y Kr và bà H Bh trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên ngày 22/2/2022, ông bà có cho ông Y V và bà Lang Thị H nợ số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), các bên thỏa thuận không tính lãi, thời hạn trả là 10 ngày kể từ ngày 22/2/2022. Tuy nhiên, đến hạn, ông Y V và bà Lang Thị H không trả tiền cho vợ chồng ông bà. Do đó, ông bà khởi kiện, yêu cầu ông Y V và bà Lang Thị H trả cho ông Y Kr và bà H Bh số tiền gốc là 120.000.000đ, tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày ông Y V, bà Lang Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 1.128.000đ, tổng cộng là 121.128.000đ (Một trăm hai mươi một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn ông Y V và bà Lang Thị H trình bày: Ông bà không nợ tiền của ông Y Kr và bà H Bh. Khoảng tháng 2.2022, vợ chồng ông Y K roi và bà H Bh có đến nhờ vợ chồng ông bà đi mua đất giúp, sau khi ông Y V tìm được đất của ông Lang Văn D và thỏa thuận mua thì ông Y Kr và bà H Bh có đưa cho vợ chồng ông 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) để đi đặt cọc mua đất. Tuy nhiên, sau khi đặt cọc thì đất có tranh chấp nên việc mua bán không thành, bên nhận đặt cọc là ông D trả lại 60.000.000đ tiền cọc cho ông bà. Ông bà đã báo sự việc cho ông Y Kr và bà H Bh và trả lại cho ông Y Kr bà H Bh 60.000.000đ, có đưa thêm cho ông Y Kr và bà H Bh 10.000.000đ (là tiền ông Y V bồi thường do thực hiện việc mua đất giúp nhưng không thành công). Tuy nhiên, ông Y Kr và bà H Bh không đồng ý nhận tiền mà yêu cầu ông bà trả 120.000.000đ (gấp đôi của số tiền 60.000.000đ). Thực tế hiện nay, vợ chồng ông bà chỉ còn giữ của ông Y Kr và bà H Bh số tiền 60.000.000đ. Ông bà thừa nhận có ký vào giấy nợ tiền đề ngày 22/2/2022. Tuy nhiên, khi ký ông Y V không biết chữ nên không biết nội dung trong giấy viết gì. Bà H trước khi ký không đọc nội dung. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Y V và bà Lang Thị H không đồng ý trả 121.128.000đ mà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 70.000.000đ.

Người làm chứng anh Y S trình bày: Ông biết được việc tranh chấp giữa ông Y Kr, bà H Bh với ông Y V và bà Lang Thị H về việc không hoàn thành việc mua bán đất đai. Cụ thể, đầu năm 2022, ông Y V mua đất của ông Lang Văn D. Ông Y Kr kiếm đất mua thì có nói với ông Ven biết thông tin này. Ông Y V có miếng đất mua của ông D, bán lại cho ông Y Kr nhưng do thủ tục về đất đai không đảm bảo dẫn đến việc chuyển

nhượng đất giữa ông D và ông Y V không thành. Ông D trả lại cọc cho ông Y V. Việc này dẫn đến thừa đất của ông Y V hứa chuyển nhượng cho ông Y Kr cũng không thành. Anh Y S có chứng kiến việc ông Y Kr đưa tiền cho ông Y V mua đất với số tiền 60.000.000đ. Tuy nhiên, anh Y S không thừa nhận chữ ký với tư cách người làm chứng trong giấy hẹn tiền nợ lập ngày 22/2/2022 là do anh ký và viết ra.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu ông Y V và bà Lang Thị H phải trả cho ông Y Kr và bà H Bh 120.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.744.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 120.000.000đ và lãi suất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm đồng thời phải chịu án phí DSST.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ gồm: 01 giấy hẹn tiền nợ lập ngày 2/2/2022 (Bản gốc); 01 sổ hộ khẩu của nguyên đơn, 01 chứng minh nhân dân (đều sao y chứng thực) do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Y Kr và bà H Bh khởi kiện yêu cầu ông Y V và bà Lang Thị H trả số tiền vay theo giấy hẹn nợ ngày 22/2/2022 nên đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bị đơn ông Y V và bà Lang Thị H có nơi cư trú Bon R` Cặp, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy vay ngày 22/2/2022 xác định thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ ngày lập giấy. Ngày 03/3/2022, Ông Y V và bà Lang Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 14/4/2022, ông Y Kr và bà H Bh khởi kiện tại tòa án là vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

[2.1] Ông Y Kr và bà H Bh khởi kiện yêu cầu ông Y V và bà Lang Thị H trả 120.000.000đ và lãi phát sinh xuất phát từ hợp đồng vay tài sản lập ngày 22/2/2022. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ là 01 giấy hẹn nợ tiền có chữ ký của ông Y V và bà Lang Thị H. Quá thời hạn trả nợ, ông Y V và bà Lang Thị H không trả được tiền theo thỏa thuận.

Theo Điều 463 và khoản 2 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, việc vay tiền giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật. Đây là khoản vay có kỳ hạn, quá thời hạn, bên vay không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Y V và bà Lang Thị H phải trả cho ông Y Kr và bà H Bh 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

[2.2] Đối với lãi suất: Trong giấy vay lập ngày 22/2/2022 không thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả; bị đơn không thừa nhận. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 468 của BLDS để tính lãi cho nguyên đơn, cụ thể lãi suất 10%/ năm tương đương với 0,83%/ tháng đối với khoản tiền chậm trả, cụ thể là: $120.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 5 \text{ tháng } 23 \text{ ngày}$ (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) = 5.744.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

[2.3] Xét quan điểm của bị đơn ông Y V và bà Lang Thị H: cho rằng ông bà không nợ ông Y Kr và bà H Bh 120.000.000đ mà số tiền này xuất phát từ việc chuyển nhượng đất không thành, ông bà bị ông Y Kr và bà H Bh phạt cọc, ông bà chỉ nhận của nguyên đơn 60.000.000đ. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận; bị đơn không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh cho quan điểm của mình. Lời khai của người làm chứng có nhìn thấy việc nguyên đơn đưa cho bị đơn 60.000.000đ. Tuy nhiên, không có chứng cứ về việc 60.000.000đ mà nguyên đơn nhận của bị đơn có liên quan đến khoản nợ 120.000.000đ.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 BLTTDS thì:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...; 2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó...; 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh

mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận phần trình bày của bị đơn ông Y V và bà Lang Thị H.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ông Y V và bà Lang Thị H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 6.287.000đ (*Sáu triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 470, Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bị đơn ông Y V và bà Lang Thị H phải trả cho ông Y Kr và bà H Bh 125.744.000đ (*Một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.744.000đ (*Năm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của BLDS, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Buộc ông Y V và bà Lang Thị H phải nộp 6.287.000đ (*Sáu triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu